

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-7-2021

“V/v Ly hôn giữa chị H  
anh N”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đào Thị Thu Hằng

2. Bà Trần Thị Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai - thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** Ông Lê Tiến Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 29-7-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2021/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1986.

**Bị đơn:** Anh Lê Văn N, sinh năm 1984

Đều trú tại: Thôn Ph, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Chị H, anh N đều có đơn xin xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:* Chị kết hôn với anh N do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th vào ngày 29-10-2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 01-2019 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N. Về nuôi con chung: Chị và anh N có 02 con chung là Lê Minh H, sinh ngày 14-8-2005 và Lê

Minh Th, sinh ngày 03-8-2009. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi cháu Th, để anh N nuôi cháu H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

*Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Văn N trình bày:* Về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian, địa điểm kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng hay xảy ra cãi cọ nhau. Vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 01-2019 đến nay. Anh không muốn vợ chồng ly hôn, nếu chị H cố tình xin ly hôn anh, anh đành chấp nhận. Về nuôi con chung: Anh và chị H có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh nuôi cháu Hiệp, để chị H nuôi cháu Thái, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, chị H, anh N đã thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị xử cho chị H và anh N ly hôn. Về nuôi con chung: Giao cháu Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh N không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:*

[2] Chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh N trú tại Thôn Ph, xã Th, huyện H. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện H. Chị H, anh N có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị H, anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Chị H và anh N đều trình bày kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th vào ngày 29-10-2004, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng hay cãi cọ nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 01-2019 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh N đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn anh N cũng chấp nhận, vì vậy cần xử cho ly hôn giữa chị H và anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị H và anh N có 02 con chung là Lê Minh H, sinh ngày 14-8-2005 và Lê Minh Th, sinh ngày 03-8-2009. Chị H xin nuôi cháu Th, anh N xin nuôi cháu H. Vì vậy việc giao cháu Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu H cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và cháu Th và phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[5] *Về tài sản chung*: Chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Lê Văn N.
2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Lê Minh Th, sinh ngày 03-8-2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Minh H, sinh ngày 14-8-2005 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; chị H, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị H, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. *Về tài sản chung*: Không xem xét giải quyết.
4. *Về án phí*: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003234 ngày 01-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Dương sự
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND xã Th;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

**Trần Thị Nhàn**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN HƯNG HÀ**  
**TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 26 tháng 3 năm 2021

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

Với Hội đồng xét xử gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Nhân.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Bùi Văn Trung

2. Bà Trần Thị Nơi

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý : 298/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn” giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh Hồng, sinh năm 1991 (có mặt).

ĐKKHKT: Khu Châu, thị trấn Hưng Nhân, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Tạm trú: Khu Cầu Nai, thị trấn Hưng Nhân, huyện H, tỉnh Thái Bình.

*Bị đơn:* Anh Đoàn Minh Hiệu, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Châu, thị trấn Hưng Nhân, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa.

### HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh Hồng và anh Đoàn Minh Hiệu.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Đoàn Hồng Anh, sinh ngày 21-01-2018 cho chị Hồng nuôi dưỡng, anh Hiệu không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Hiệu có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Hồng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Hồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006200 ngày 04-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, chị Hồng đã nộp đủ tiền án phí.

5. Chị Hồng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ tuyên án, anh Hiệu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Biểu quyết nhất trí: 3/3.*

Nghị án kết thúc vào hồi      giờ      phút ngày 26-3-2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**